

1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 01/4/2021 cũng như tại phiên tòa, chị Võ Thị M trình bày:*

Chị M và anh G tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 26/7/2018. Vợ chồng chung sống với nhau nhưng không hạnh phúc do xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung nên ly thân từ tháng 9/2018 đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị M yêu cầu ly hôn với anh G.

Thời gian chung sống anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Tô T, sinh ngày 15/10/2016 và Nguyễn Thiên A, sinh ngày 27/02/2019. Hiện cháu Trân do chị M nuôi dạy, cháu A do anh G nuôi dạy. Vào khoảng tháng 06 năm 2021 giữa chị M và anh G thỏa thuận và chị M tự nguyện thống nhất giao cháu A cho anh G tiếp tục nuôi dạy, anh G giao cháu T cho chị M tiếp tục nuôi dạy. Chị M không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi cháu T và chị M không cấp dưỡng nuôi cháu A.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên chị M không yêu cầu giải quyết.

**Tại biên bản ngày 16/6/2021 và bản ý kiến ngày 29/6/2021, anh Nguyễn Ngân G trình bày:*

Anh G thống nhất với phần trình bày của chị M về hôn nhân, con chung, nợ chung và mâu thuẫn vợ chồng. Do vợ chồng sống chung không còn hạnh phúc nên anh G thống nhất ly hôn với chị M. Con chung anh G yêu cầu nuôi dạy nhưng không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/6/2021 anh G xác định vợ chồng không có tài sản chung nhưng tại bản ý kiến ngày 29/6/2021 anh G xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Nợ chung không có nên anh G không yêu cầu giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Chị M và anh G chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Do anh chị chung sống không còn hạnh phúc và đã ly thân, không có thiện chí đoàn tụ gia đình nên cần xử lý cho anh chị được ly hôn. Về con chung cần công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị M và anh G, cần giao cháu T cho chị M tiếp tục nuôi dạy, giao cháu A cho anh G tiếp tục nuôi dạy, không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Về tài sản chung và nợ chung do các đương sự không có yêu cầu nên không đề nghị xem xét. Chị M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Võ Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngân G. Do anh chị chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Anh G có địa chỉ tại ấp NA, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, do anh G có yêu cầu xin vắng mặt đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm vào ngày 16/6/2021 nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh G theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Tại đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án chị M xác định chị M và anh G tự nguyện chung sống và có đăng ký có đăng ký kết hôn theo quy định. Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/6/2021 cũng như bản ý kiến ngày 29/6/2021 anh G xác định anh và chị M chung sống tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 26/7/2018 nhưng anh G không cung cấp giấy tờ chứng minh anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP như anh G trình bày. Xét thấy, việc chị M và anh G thừa nhận anh chị tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn là phù hợp theo giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã PL, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau cấp ngày 26/7/2018 (giấy chứng nhận kết hôn là bản chính do chị M cung cấp). Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy

định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, chị M vẫn bảo lưu yêu cầu ly hôn với anh G. Xét thấy, anh chị đã ly thân với khoảng thời gian dài mà không có thiện chí đoàn tụ gia đình; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tổ chức hòa giải để anh chị có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả. Mặt khác, tại biên bản ngày 16/6/2021 và ý kiến ngày 29/6/2021 anh G thừa nhận anh chị sống chung không còn hạnh phúc nên thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị M. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Võ Thị M và anh Nguyễn Ngân G được ly hôn.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Tố T, sinh ngày 15/10/2016 và Nguyễn Thiên A, sinh ngày 27/02/2019. Tại đơn khởi kiện ngày 01/4/2021 chị M cho rằng con chung hiện do chị M nuôi dạy nên chị yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung. Tuy nhiên tại phiên tòa chị M tự nguyện giao con chung là cháu Nguyễn Thiên A cho anh G nuôi dạy. Bởi vì, chị M cho rằng vào khoảng tháng 6/2021 giữa chị với anh G đã gặp nhau thỏa thuận giao cháu Trần cho chị M tiếp tục nuôi dạy, chị M tự nguyện giao cháu A cho anh G nuôi dạy. Trình bày của chị M là phù hợp với biên bản ghi lời khai ngày 16/6/2021 anh G thừa nhận con chung do chị M nuôi dạy đến ý kiến ngày 29/6/2021 anh G xác định cháu A do anh G nuôi dạy. Đồng thời, tại ý kiến ngày 29/6/2021 anh G yêu cầu nuôi dạy cả hai cháu Tn và A vì cho rằng chị M không đủ điều kiện để nuôi dạy con chung nhưng anh không cung cấp được chứng cứ cho rằng chị M không đủ điều kiện như anh G trình bày. Xét thấy, việc chị M yêu cầu tiếp tục nuôi dạy cháu T là có cơ sở vì cháu T đang do chị M nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi cháu T sẽ ảnh hưởng đến tình cảm của cháu; Riêng cháu A tuy còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi nhưng do chị M tự nguyện giao cho anh A nuôi dạy không bị ai ép buộc. Vì vậy, cần tiếp tục giao cháu T cho chị M tiếp tục nuôi dạy, giao cháu A cho anh G nuôi dạy là phù hợp.

Do chị M, anh G không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng không xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị M và anh G xác định thời gian chung sống, anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không có yêu cầu giải quyết. Vì vậy, hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị M phải chịu án phí – Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Ngân G.

2. Về hôn nhân: Chị Võ Thị M và anh Nguyễn Ngân G được ly hôn.

3. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Tố T, sinh ngày 15/10/2016 (giới tính nữ) cho chị Võ Thị M tiếp tục nuôi dạy; giao con chung tên Nguyễn Thiên A, sinh ngày 27/02/2019 (giới tính nam) cho anh Nguyễn Ngân G tiếp tục nuôi dạy. Chị M và anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị M không trực tiếp nuôi dạy cháu A, anh G không trực tiếp nuôi dạy cháu T nhưng anh chị có quyền thăm nom con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được quyền cản trở.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị M phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 01 tháng 4 năm 2021 chị M có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0014507 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

5.Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh G vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã PL, huyện Trần Văn Thời;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kiều Trang